

yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền, có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính;

- Các yếu tố sau đây đã được ghi nhận một cách đúng đắn và trong trường hợp cần thiết các thông tin thích hợp đã được nêu ra trong phần thuyết minh báo cáo tài chính:

a) Số dư và nghiệp vụ được thực hiện với các bên có liên quan;

b) Thua lỗ từ các hợp đồng mua và bán;

c) Thỏa thuận và khả năng mua lại các tài sản đã được chuyển nhượng trước đây;

d) Các tài sản được đem đi thế chấp.

- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch hay dự tính nào có thể làm sai lệch đáng kể số liệu kế toán hoặc cách phân loại tài sản và khoản nợ đã được phản ánh trong báo cáo tài chính;

- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch nào nhằm ngừng sản xuất một loại sản phẩm đang được sản xuất, cũng không có một kế hoạch hay dự tính nào có thể dẫn đến tình trạng hàng tồn kho, ứ đọng hoặc lạc hậu; và không có bất kỳ một khoản hàng tồn kho nào được hạch toán với giá trị cao hơn giá trị thực hiện thuận;

- Công ty là chủ sở hữu tất cả các tài sản trên báo cáo tài chính và không có bất kỳ một tài sản nào đang được cầm cố, thế chấp hoặc bị cầm giữ, ngoại trừ những tài sản được nêu trong phần thuyết minh X của báo cáo tài chính;

- Tất cả các khoản nợ, cam kết vay và các khoản bảo lãnh của công ty với bên thứ ba đã được công ty hạch toán hoặc giải trình trong phần thuyết minh X;

- Hiện tại Công ty không có bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hoặc phải giải trình trong phần thuyết minh;

- Vụ tranh chấp với công ty XYZ đã được giải quyết với khoản tiền là XXX VND, và đã được lập

dự phòng trong báo cáo tài chính. Không có khiếu nại trong bất kỳ một vụ tranh chấp nào đang bị khởi tố hoặc hiện nay có thể dự đoán được;

- Chúng tôi đã hạch toán hoặc đã thuyết minh đầy đủ trong báo cáo tài chính tất cả các kế hoạch về việc mua lại các cổ phiếu của chính công ty, các nguồn vốn được dự trữ cho kế hoạch này, các khoản đảm bảo cũng như việc chuyển đổi và các yêu cầu có liên quan khác.

Giám đốc (hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị)

(Chữ ký, Họ và tên, đóng dấu)

THÔNG TƯ số 06/2001/TT-BTC ngày 17/1/2001 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 78/2000/NĐ-CP ngày 26/12/2000 của Chính phủ về phí xăng dầu.

Căn cứ Nghị định số 78/2000/NĐ-CP ngày 26/12/2000 của Chính phủ về phí xăng dầu;

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện như sau:

I. PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Đối tượng chịu phí xăng dầu:

Theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 78/2000/NĐ-CP ngày 26/12/2000 của Chính phủ thì đối tượng chịu phí xăng dầu là xăng, dầu, mỡ nhờn (gọi chung là xăng dầu) xuất, bán tại Việt Nam, bao gồm:

a) Xăng, gồm xăng ô tô, xăng dung môi (xăng công nghiệp), xăng máy bay và các loại xăng khác.

b) Dầu, gồm dầu diezen, dầu hỏa, dầu mazút, dầu nhờn và các loại dầu khác (trừ dầu thực phẩm).

c) Mỡ nhờn.

2. Đối tượng nộp phí xăng dầu là các tổ chức, cá nhân nhập khẩu (kể cả nhập khẩu ủy thác), sản xuất, chế biến các loại xăng dầu quy định tại điểm 1 mục này xuất, bán xăng dầu tại Việt Nam, bao gồm:

a) Tổ chức trực tiếp nhập khẩu xăng dầu.

b) Tổ chức nhận ủy thác nhập khẩu xăng dầu, không phân biệt hình thức nhận ủy thác nhập khẩu và xuất giao trả hàng cho tổ chức đi ủy thác hay nhận ủy thác nhập khẩu đồng thời nhận ủy thác xuất, bán đều là đối tượng trực tiếp kê khai, nộp phí xăng dầu.

c) Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhận gia công đồng thời nhận ủy thác bán xăng dầu, chế biến xăng dầu. Trường hợp tổ chức, cá nhân nhận gia công nhưng không nhận ủy thác bán hàng thì tổ chức, cá nhân giao gia công là đối tượng nộp phí xăng dầu khi xuất, bán xăng dầu tại Việt Nam.

3. Đối tượng không phải chịu phí xăng dầu là xăng dầu xuất khẩu, bao gồm:

a) Xăng dầu xuất khẩu, bao gồm xuất ra nước ngoài, xuất vào khu chế xuất và doanh nghiệp chế xuất. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu xăng dầu nêu tại điểm này phải có các hồ sơ, chứng từ chứng minh là xăng dầu thực tế xuất khẩu như sau:

- Hợp đồng xuất khẩu xăng dầu. Trường hợp ủy thác xuất khẩu thì còn phải có hợp đồng ủy thác xuất khẩu xăng dầu.

- Hóa đơn bán hàng cho nước ngoài, khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất.

- Tờ khai hải quan hàng hóa xuất khẩu, có thanh khoản và xác nhận thực xuất khẩu của cơ quan hải quan về số lượng, chủng loại hàng hóa xuất khẩu.

b) Xăng dầu tạm nhập - tái xuất; xăng dầu tạm xuất - tái nhập. Tổ chức, cá nhân kinh doanh

xăng dầu theo hình thức nêu tại điểm này phải có hồ sơ, chứng từ sau đây:

- Hạn ngạch xuất khẩu, nhập khẩu do Bộ Thương mại (hoặc cơ quan được ủy quyền) cấp, trong đó có ghi rõ hàng tạm nhập - tái xuất, hàng tạm xuất - tái nhập.

- Tờ khai hải quan hàng hóa nhập khẩu và xuất khẩu có thanh khoản và xác nhận thực nhập, thực xuất của cơ quan hải quan về số lượng và chủng loại hàng hóa xuất, nhập khẩu.

- Hợp đồng mua bán ngoại thương ký với người bán và người mua.

Đối với trường hợp xuất, nhập khẩu ủy thác thì còn phải có hợp đồng ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu (nếu là hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ủy thác). Trường hợp này, nếu tiêu thụ tại Việt Nam thì tổ chức, cá nhân phải đăng ký, kê khai, nộp phí xăng dầu với Cục Thuế địa phương nơi đóng trụ sở chính.

II. MỨC THU VÀ CĂN CỨ THU PHÍ XĂNG DẦU

1. Phí xăng dầu chỉ thu một lần khi xuất, bán lượng xăng dầu nhập khẩu (kể cả lượng xăng dầu nhập ủy thác), sản xuất, chế biến (bao gồm cả xuất để tiêu dùng nội bộ, xuất để trao đổi sản phẩm hàng hóa khác, xuất trả hàng nhập ủy thác, bán cho tổ chức, cá nhân khác), với mức thu quy định như sau:

a) Xăng các loại, bao gồm xăng ô tô, xăng máy bay, xăng công nghiệp và các loại xăng khác: 500 đồng/lít (năm trăm đồng/lít).

b) Dầu diezen: 300 đồng/lít (ba trăm đồng/lít).

c) Dầu hỏa, dầu mazút, dầu nhờn, mỡ nhờn và các loại dầu khác (trừ xăng, dầu diezen quy định tại tiết a, b điểm này) chưa thu.

2. Căn cứ thu phí xăng dầu là số lượng xăng dầu xuất, bán tại Việt Nam và mức thu, tính theo công thức sau đây:

$$\text{Phí xăng dầu} = \text{Số lượng xăng dầu xuất, bán tại Việt Nam (lít)} \times \text{Mức thu (đồng/lít)}$$

Trường hợp số lượng xăng dầu xuất, bán tính bằng đơn vị đo lường khác thì phải quy đổi ra lít.

III. TỔ CHỨC THU, NỘP PHÍ XĂNG DẦU

1. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng nộp phí xăng dầu nêu tại điểm 2 Mục I của Thông tư này (gọi chung là đơn vị nộp phí) có trách nhiệm:

a) Đăng ký, kê khai thu, nộp phí xăng dầu vào ngân sách nhà nước với Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đơn vị đóng trụ sở chính.

b) Khi xuất, bán xăng dầu phải thực hiện:

- Tính tiền phí xăng dầu theo mức thu quy định nêu tại điểm 1 Mục II Thông tư này.

- Xuất hóa đơn bán xăng dầu cho đơn vị mua hàng.

Để người tiêu dùng không phải chịu thuế giá trị gia tăng đối với số tiền phí xăng dầu và không làm đảo lộn công tác hạch toán kế toán của các đơn vị kinh doanh xăng dầu, khi ghi hóa đơn bán xăng dầu (kể cả bán buôn, bán lẻ) các đơn vị kinh doanh xăng dầu phải ghi số tiền phí xăng dầu thành một dòng riêng trên hóa đơn, cụ thể là ở các dòng tổng cộng của hóa đơn phải ghi rõ: giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng (không bao gồm phí xăng dầu), thuế giá trị gia tăng, phí xăng dầu, giá thanh toán.

- Thanh toán tiền phí xăng dầu đồng thời với thanh toán tiền bán hàng xăng dầu.

- Mở sổ sách kế toán theo dõi riêng, cập nhật số tiền phí xăng dầu phát sinh để thanh toán với ngân sách nhà nước. Đối với các đơn vị kinh

doanh xăng dầu không trực tiếp kê khai, nộp phí xăng dầu thì tiền phí xăng dầu không phải là doanh thu của hoạt động kinh doanh xăng dầu, nên không được hạch toán vào doanh thu của đơn vị kinh doanh.

c) Định kỳ 15 ngày một lần, đơn vị căn cứ vào số lượng xăng dầu thực tế đã xuất, bán trong kỳ (xuất để sử dụng nội bộ; xuất để trao đổi sản phẩm hàng hóa khác; xuất trả hàng nhập ủy thác; bán cho tổ chức, cá nhân khác, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền) để tính và tạm nộp tiền phí xăng dầu vào ngân sách nhà nước.

Mỗi tháng một lần, đơn vị căn cứ vào lượng xăng dầu xuất, bán trong tháng, thực hiện tính và lập tờ khai phí xăng dầu theo đúng mẫu tờ khai quy định gửi cơ quan thuế địa phương nơi đơn vị đóng trụ sở chính trong vòng mười ngày đầu của tháng tiếp theo. Cơ quan thuế kiểm tra và thông báo cho đơn vị về số phí xăng dầu còn phải nộp và thời hạn nộp tiền vào ngân sách nhà nước. Căn cứ vào thông báo của cơ quan thuế, đơn vị làm thủ tục nộp tiền phí xăng dầu đầy đủ, đúng thời hạn vào Kho bạc nhà nước, nhưng chậm nhất không quá ngày 25 của tháng tiếp theo.

Số tiền phí xăng dầu nộp vào Kho bạc nhà nước được hạch toán vào chương, loại, khoản tương ứng, mục và tiểu mục 032.01 của Mục lục Ngân sách nhà nước hiện hành và điều tiết 100% về ngân sách trung ương.

d) Quyết toán tiền phí xăng dầu phải nộp hàng năm với cơ quan thuế và trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm phải nộp báo cáo quyết toán tiền phí xăng dầu cho cơ quan thuế và nộp đủ số tiền phí xăng dầu còn thiếu vào ngân sách nhà nước trong thời hạn mười ngày kể từ ngày nộp báo cáo quyết toán, nếu nộp thừa thì được trừ vào số tiền phí xăng dầu phải nộp của kỳ tiếp theo.

2. Cục Thuế địa phương nơi đơn vị thuộc đối

tượng nộp phí xăng dầu đóng trụ sở chính có trách nhiệm:

a) Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng nộp phí xăng dầu thực hiện nộp phí xăng dầu theo đúng hướng dẫn tại Thông tư này, đảm bảo không để sót nguồn thu và đối tượng thu.

b) Thường xuyên phối hợp với cơ quan hải quan và cơ quan chủ quản của đơn vị sản xuất, chế biến, kinh doanh xăng dầu ở địa phương để kịp thời nắm số lượng xăng dầu nhập khẩu, sản xuất, chế biến của từng đơn vị, đối chiếu với số lượng xăng dầu thực tế xuất, bán - lượng xăng dầu tồn kho - lượng xăng dầu hao hụt (tối đa không vượt tỷ lệ hao hụt định mức do Nhà nước quy định) để tính, thu tiền phí xăng dầu sát với số phát sinh và tránh thất thu ngân sách nhà nước.

c) Kiểm tra tờ khai thu, nộp phí xăng dầu, tính và thông báo cho tổ chức, cá nhân kinh doanh xăng dầu về số tiền phí xăng dầu phải nộp hàng tháng vào ngân sách nhà nước theo đúng quy định. Thường xuyên đôn đốc các đơn vị thực hiện nộp phí xăng dầu đầy đủ, đúng kỳ hạn. Thực hiện quyết toán tiền phí xăng dầu phải nộp hàng năm với các đối tượng nộp phí xăng dầu theo chế độ quy định.

Trường hợp phát hiện đối tượng nộp phí có dấu hiệu vi phạm chế độ quản lý phí xăng dầu và khi cần thiết phải thanh tra, kiểm tra tình hình thu, nộp phí xăng dầu theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì cơ quan thuế có quyền yêu cầu đối tượng nộp phí xăng dầu cung cấp sổ kế toán, chứng từ, hồ sơ tài liệu khác có liên quan tới việc tính và nộp phí xăng dầu để bảo đảm tính đúng, tính đủ tiền phí xăng dầu phải nộp ngân sách nhà nước.

d) Xử lý vi phạm hành chính về phí xăng dầu theo thẩm quyền quy định tại Điều 21 Nghị định số 04/1999/NĐ-CP ngày 30/1/1999 của Chính phủ về phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và hướng

dẫn tại điểm 6 Mục V của Thông tư số 54/1999/TT-BTC ngày 10/5/1999 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định trên.

3. Tổ chức, cá nhân mua xăng, dầu của các đơn vị đã tính phí xăng dầu và có ghi tiền phí xăng dầu trên hóa đơn mua hàng thì được hạch toán tiền phí xăng dầu vào giá thành, chi phí lưu thông để xác định chi phí hợp lý khi tính thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (đối với tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh) hoặc được xác định chi phí hợp lý khi quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước (nếu là hoạt động hành chính, sự nghiệp sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước cấp phát).

4. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng nộp phí xăng dầu vi phạm quy định của Nghị định số 78/2000/NĐ-CP ngày 26/12/2000 của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư này thì bị xử phạt theo quy định tại Điều 18, Điều 20 của Nghị định số 04/1999/NĐ-CP ngày 30/1/1999 của Chính phủ và hướng dẫn tại điểm 3, điểm 5 Mục V Thông tư số 54/1999/TT-BTC ngày 10/5/1999 của Bộ Tài chính.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 1 năm 2001; bãi bỏ các văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định số 186/CP ngày 07/12/1994 của Chính phủ về thu lệ phí giao thông qua giá xăng dầu.

2. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, sản xuất, chế biến xăng dầu có trách nhiệm kê khai, nộp phí xăng dầu theo quy định tại Thông tư này với cơ quan thuế nơi đóng trụ sở chính đối với số lượng thực tế xuất, bán cho tổ chức, cá nhân khác kể từ ngày 01 tháng 1 năm 2001./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

VŨ VĂN NINH